

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08-8-2018

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tuyền

2. Ông Trần Minh Nghiệp

-Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

-Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê -tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2018, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/QĐXX-ST ngày 26/7/2018, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Anh Đỗ Tiến D - sinh năm 1990; cư trú tại: Khu 01 T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N - sinh năm 1994; cư trú tại: Khu 01 T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2018 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn là anh Đỗ Tiến D trình bày: Anh D và chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 13/4/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng nhà với bố mẹ đẻ anh D tại khu 01 T, xã T,

huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống nên thường xuyên cãi nhau. Nhiều lần bố mẹ đẻ anh D khuyên bảo, nhưng chị N không nghe mà còn cãi, chửi lại. Từ tháng 08/2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như anh D trình bày là đúng. Theo chị N dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do anh D không quan tâm tới vợ con, thường xuyên đánh, chửi, đuổi chị N. Từ tháng 05/2017 đến nay, chị N cùng con chung về nhà bố mẹ đẻ chị N tại xã T, huyện C sinh sống và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Nay anh D yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý, vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Huyền A- sinh ngày 29/10/2014 và Đỗ Ngọc Quỳnh T- sinh ngày 29/01/2017 (đã chết), hiện nay cháu A đang ở với chị N. Ly hôn anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Chị N yêu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu đã trình bày. Bị đơn trình bày là yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, vì đã có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đủ để nuôi dưỡng bản thân và con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, xác định:

Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhân thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Tiến D và chị Nguyễn Thị Kim N.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Huyền A- sinh ngày 29/10/2014. Anh Đỗ Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị N không yêu cầu.

- Về án phí: anh Đỗ Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng với quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đỗ Tiến D và chị Nguyễn Thị Kim N bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do anh D không quan tâm, thường nói chửi chị N. Từ tháng 05/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên hai bên thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3].Về con chung: Chứng cứ thu thập được và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy con chung còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và trong thực tế chị N đã nuôi dưỡng con chung từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, bảo đảm cho con chung có cuộc sống sinh hoạt, học tập tốt. Đồng thời, chị N đã có nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị N không yêu cầu. Anh D không chứng minh được nghề nghiệp, thu nhập của bản thân và trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chưa có sự quan tâm cần thiết tới con chung, nên yêu cầu của anh D về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là không có căn cứ chấp nhận.

[4].Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5].Về án phí: Anh Đỗ Tiến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Tiến D và chị Nguyễn Thị Kim N.

2. Về con chung:

2.1.Giao con chung là Đỗ Thị Huyền A- sinh ngày 29/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 08/2018 đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Đỗ Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị N không yêu cầu.

2.2.Anh Đỗ Tiến D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị N và các thành viên gia đình không được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Tiến D phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008188 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh Đỗ Tiến D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Tuy Lộc;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng